



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Số: 2846/TTr-UBND

Điện Biên, ngày 07 tháng 7 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn
ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt, thông qua kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Điện Biên; Nghị quyết định số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;

Sau khi báo cáo và xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 với các nội dung như sau:

I. Kết quả thực hiện và giải ngân vốn ngân sách địa phương (sau đây viết tắt là NSDP) năm 2022

1. Kết quả giao, phân bổ vốn NSDP

a) Kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao¹ là 822,730 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối NSDP: 662,530 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 100 tỷ đồng.
- Vốn xổ số kiến thiết: 36 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 24,2 tỷ đồng.

¹ Tại Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021.

b) Kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2022 được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao²: 1.676,775 tỷ đồng, phân bổ chi tiết đạt 100% kế hoạch vốn, bao gồm:

- Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối NSDP: 662,530 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 954,045 tỷ đồng (giao tăng 854.045 triệu đồng so với số Thủ tướng Chính phủ giao).
- Vốn xổ số kiến thiết: 36 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 24,2 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện, giải ngân

a) Kết quả giải ngân vốn NSDP năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023

Lũy kế giải ngân đến 31/01/2023 là 766,715 tỷ đồng, đạt 93,19% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao (đạt 45,73% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao), trong đó:

- + Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi NSDP): 663,804 tỷ đồng, đạt 96,66% kế hoạch vốn giao.
- + Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 70,476 tỷ đồng, đạt 70,48% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao (đạt 7,39% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao, do không đảm bảo nguồn thu để giao dự toán cho các dự án thực hiện).
- + Vốn xổ số kiến thiết: 32,435 tỷ đồng, đạt 90,10% kế hoạch vốn giao (do không đảm bảo nguồn thu để giao dự toán cho các dự án thực hiện).

(Chi tiết như Biểu số 1, 2 kèm theo)

b) Nguồn vốn NSDP kế hoạch năm 2022 còn lại chưa giải ngân

- Số vốn NSDP năm 2022 (theo số HĐND tỉnh giao) hết thời hạn thanh toán chưa giải ngân là 910,060 tỷ đồng, bao gồm:
 - + Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả bội chi NSDP): 22,926 tỷ đồng.
 - + Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 883,569 tỷ đồng (trong đó 882,354 tỷ đồng là không có nguồn thu thực tế để giải ngân).
 - + Vốn xổ số kiến thiết: 3,565 tỷ đồng (trong đó 3,450 tỷ đồng do hụt thu so với kế hoạch).

(Chi tiết như Biểu số 1, 2 kèm theo)

II. Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn NSDP năm 2022

1. Nguyên tắc, tiêu chí kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân

Việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2022 sang năm 2023 của các nhiệm vụ, dự án theo các nguyên tắc, tiêu chí sau:

² Tại: Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022; số 117/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; số 692/QĐ-UBND ngày 19/4/2022; số 2086/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh.

- Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Mức vốn NSDP kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân của từng dự án không cao hơn số vốn kế hoạch NSDP năm 2022 còn lại chưa giải ngân đến hết ngày 31/01/2023.

- Không kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 và hủy dự toán đối với số vốn của các dự án mà các Chủ đầu tư đã cam kết giải ngân hết trong năm 2022.

2. Nội dung đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn NSDP năm 2022

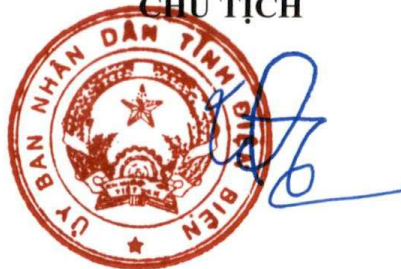
Tổng số vốn NSDP năm 2022 đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023 là 1 tỷ 990,231 triệu đồng của 08 dự án (chi tiết như Biểu số 03 kèm theo)

Trên đây là nội dung Tờ trình kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT; TC;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên Khối NCTH;
- Lưu: TH, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

Biểu số 1

TRƯỜNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NSDP NĂM 2022 TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Báo cáo số **2846**/BC-UBND ngày **01** tháng **7** năm **2023** của UBND tỉnh Điện Biên)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	 Nguồn vốn	Năm 2022							Ghi chú
		Kế hoạch vốn do TTgCP giao	Kế hoạch do HĐND tỉnh thông qua	Giải ngân đến 31/01/2023			Số vốn còn lại chưa giải ngân		
				Tổng số	Tỷ lệ giải ngân so với số TTgCP giao (%)	Tỷ lệ giải ngân so với số HĐND tỉnh giao (%)	Tổng số	Tỷ lệ chưa giải ngân so với số HĐND tỉnh giao (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8		10
1	TỔNG SỐ	822.730	1.676.775	766.715	93,19	45,73	910.060	54,27	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm bội chi NSDP)	686.730	686.730	663.804	96,66	96,66	22.926	3,34	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	100.000	954.045	70.476	70,48	7,39	883.569	92,61	Số vốn không có nguồn để giải ngân 882.354trđ
-	Xổ số kiến thiết	36.000	36.000	32.435	90,10	90,10	3.565	9,90	Số vốn không có nguồn để giải ngân 3.450trđ

Biểu số 2
CHI TIẾT GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NSDP NĂM 2022 ĐẾN HẾT 31/01/2023
(Kèm theo Báo cáo số 2846/BC-UBND ngày 07 tháng 1 năm 2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn	Thanh toán vốn kế hoạch năm 2022			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết thời hạn thanh toán		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Không có vốn để thực hiện do không đảm bảo nguồn thu từ đất, XSKT theo kế hoạch vốn đã phân bổ	
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3	4=5+6	5	6	7=3-4	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)	1.676.775	766.715	703.808	62.907	910.060	885.804	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm bởi chỉ NSDP)	686.730	663.804	600.906	62.898	22.926	-	
a	Cấp tỉnh quản lý	507.847	488.336	439.001	49.335	19.511	-	
*	ODA địa phương vay lại	28.967	28.167	21.409	6.758	800	-	
1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Điện Biên Phủ	21.486	20.971,569	20.971,569	-	514,431		
2	Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên	6.964	6.758,100	-	6.758,100	205,900		
3	Nâng cấp sửa chữa công trình cấp NSH trung tâm xã Núa Ngam và các bà lán cận huyện Điện Biên	517	437,583	437,583	-	79,417		
*	Chi trả phí, vay, lãi vay	11.933	11.933	11.933		-		
*	Đổi ứng các dự án ODA	22.655	22.151	21.868	283	504		
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	19.000,00	19.000,0	18.900,0	100,0	-		
2	Nâng cấp sửa chữa công trình cấp NSH trung tâm xã Núa Ngam và các bà lán cận huyện Điện Biên	635,00	431,436	431,436	-	203,564		
3	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh An	20,00	19,355	19,355	-	0,645		
4	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên	3.000,00	2.699,981	2.516,738	183,243	300,019		
*	Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW	16.880	2.893	2.893	-	13.987	-	
1	Dự án trung tâm cụm xã	11.865,00	-	-	-	11.865,0		STC đã hạch toán chuyển trả NSTW
2	Trung tâm giống thủy sản cấp I	227,00	-	-	-	227,0		STC đã hạch toán chuyển trả NSTW
3	Trung tâm đào tạo cộng đồng huyện Tuần Giáo	80,00	-	-	-	80,0		STC đã hạch toán chuyển trả NSTW
4	Dự án giảm nghèo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2010-2015	1.222,00	382,184	382,184	-	839,816		STC đã hạch toán chuyển trả NSTW
5	Nhà máy nước Điện Biên Đông, huyện ĐBD	902,00	-	-	-	902,0		STC đã hạch toán chuyển trả NSTW
6	Đường GT từ QL6 A - Khu tái định cư bản Hua mức 2 - Mường Mùn	648,45	648,445	648,445	-	-		
7	Đường giao thông Pa Cá đến khu TĐC Phiêng Xanh	1.851,56	1.851,555	1.851,555	-	-		
8	Đường Quảng Lâm - Na Cỏ Sa	84,00	10,538	10,538	-	73,462		STC đã hạch toán chuyển trả NSTW
*	Các dự án đầu tư xây dựng	427.412	423.193	380.899	42.294	4.219	-	
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	4.000,00	2.496,980	1.340,561	1.156,419	1.503,020		
2	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Tầu)	11.868,00	11.868,0	11.868,0	-	0,0		
3	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	24.000,00	24.000,0	18.771,078	5.228,922	-		
4	Đường ra biên giới Na Cỏ Sa - Mốc A6	487,00	465,594	465,594	-	21,406		
5	Kê chống sạt doanh trại đBB1/Bộ CHQS tỉnh Điện Biên	10.000,00	9.971,530	9.971,530	-	28,470		
6	Sửa chữa nhà khách; nhà ở, làm việc Chỉ huy; nhà ăn, nhà bếp cơ quan Bộ CHQS tỉnh	4.000,00	4.000,0	4.000,0	-	-		
7	Trần địa phòng không và các hạng mục hỗ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh Điện Biên	4.000,00	4.000,0	4.000,0	-	-		
8	Kho tàng chứng, vật chứng, hạ tầng phụ trợ Bộ CHQS tỉnh	1.000,00	1.000,0	246,700	753,300	-		
9	Dự án rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên	8.000,00	8.000,0	8.000,0	-	-		

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn	Thanh toán vốn kế hoạch năm 2022			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết thời hạn thanh toán		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Không có vốn để thực hiện do không đảm bảo nguồn thu từ đất, XSKT theo kế hoạch vốn đã phân bổ	
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3	4=5+6	5	6	7=3-4	8	9
10	Nhà làm việc câu lưu phòng quản lý xuất nhập cảnh	4.000,00	4.000,0	2.377,845	1.622,155	-		-
11	Trường THPT Lương Thế Vinh	6.000,00	6.000,0	1.243,180	4.756,820	-		-
12	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ	6.000,00	6.000,0	5.725,0	275,0	-		-
13	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP	6.000,00	6.000,0	6.000,0		-	-	-
14	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 1 xã Pá Khoang, TP ĐBP	7.000,00	7.000,0	7.000,0		-	-	-
15	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nô, TP ĐBP	6.000,00	6.000,0	6.000,0		-	-	-
16	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP	8.000,00	8.000,0	8.000,0		-	-	-
17	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Leng Su Sín xã Leng Su Sín	10.000,00	10.000,0	9.507,239	492,761	-		-
18	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ	8.000,00	8.000,0	8.000,0		-	-	-
19	Trường Trung học cơ sở huyện Nậm Pồ	8.000,00	8.000,0	8.000,0		-	-	-
20	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên	4.000,00	3.999,997	3.309,997	690,0	0,003		-
21	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, TP ĐBP	4.000,00	4.000,0	4.000,0		-	-	-
22	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa	5.500,00	5.500,0	5.500,0		-	-	-
23	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 2 Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ	2.000,00	2.000,0	2.000,0		-	-	-
24	Xây dựng trụ sở Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	4.000,00	4.000,0	3.900,0	100,0	-		-
25	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CD Y tế Điện Biên	3.700,00	3.700,0	3.700,0		-	-	-
26	Sửa chữa TTYT huyện Tuần Giáo	3.000,00	3.000,0	3.000,0		-	-	-
27	Sửa chữa TTYT huyện Tủa Chùa	3.000,00	3.000,0	3.000,0		-	-	-
28	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà	4.000,00	4.000,0	4.000,0		-	-	-
29	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Nà Búng huyện Nậm Pồ	1.800,00	1.800,0	1.800,0		-	-	-
30	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Quảng Lâm huyện Mường Nhé	1.800,00	1.743,424	1.743,424		-	56,576	-
31	Dự án bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ giai đoạn II tỉnh DB	14.578,00	14.577,564	14.330,064	247,500	0,436		-
32	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh	9.000,00	9.000,0	9.000,0		-	-	-
33	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)	33.174,00	33.174,0	32.280,562	893,438	-		-
34	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên	14.900,00	14.900,0	10.791,767	4.108,233	-		-
35	Hồ chứa nước Ấng Càng	24.554,00	24.554,0	24.259,192	294,808	-		-
36	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	250,00	154,889	154,889		-	95,111	-
37	Đường nội thị giai đoạn I (trục 42m), huyện Mường Ảng	8.773,00	8.773,0	8.773,0		-	0,0	-
38	Dự án đường Mường Lay - Nậm Nhùn (giai đoạn I)	2.319,00	2.319,0	2.319,0		-	-	-
39	Đường từ bản Co Đưa – TT xã Mường Khong	2.969,00	2.969,0	2.958,297	10,703	-		-
40	Đường từ bản Hồng Lức, xã Nà Sáy - bản Co Đưa, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo	6.800,00	6.800,0	6.800,0		-	-	-
41	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cắn, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	239,00	238,692	238,692		-	0,308	-
42	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	6.561,00	6.561,0	6.561,0		-	-	-
43	Đường Trung tâm xã Tênh Phông (Km1+967) - bản Thẩm Nậm, huyện Tuần Giáo	7.000,00	6.430,100	6.064,278	365,822	569,900		-
44	Sửa chữa, nâng cấp đường Trụ Sở xã mới - Bản Chua Ta B, huyện ĐBP	3.000,00	2.999,999	2.999,999		-	0,001	-
45	Sửa chữa, nâng cấp đường Háng Lia, Tia Dinh, huyện ĐBP	7.000,00	6.999,999	6.999,999		-	0,001	-
46	Quốc Lộ 279 (Trạm khí tượng) đi trung tâm Pú Tầu xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	3.000,00	3.000,0	3.000,0		-	-	-
47	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chà	9.500,00	9.500,0	9.500,0		-	-	-
48	NC SC đường nội thị, thảm BT nhựa 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông	5.000,00	5.000,0	1.700,095	3.299,905	-		-
49	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	5.439,00	5.439,0	5.149,008	289,992	-		-
50	Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang	7.758,00	7.153,699	7.153,699		-	604,301	-
51	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ	4.587,00	4.587,0	4.587,0		-	-	-

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn	Thanh toán vốn kế hoạch năm 2022			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết thời hạn thanh toán		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Không có vốn để thực hiện do không đảm bảo nguồn thu từ đất, XSKT theo kế hoạch vốn đã phân bổ	
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3	4=5+6	5	6	7=3-4	8	9
52	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	8.910,00	8.909,997	8.909,997	-	0,003		
53	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	5.000,00	4.939,376	2.247,592	2.691,784	60,624		
54	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn 1)	4.000,00	4.000,0	4.000,0	-	-		
55	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa	5.000,00	5.000,0	-	5.000,0	-		
56	Nghĩa trang nhân dân thị xã Mường Lay (giai đoạn 1)	2.000,00	2.000,0	680,0	1.320,0	-		
57	Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên	6.870,00	6.277,391	6.277,391	-	592,609		
58	Xây mới trụ sở UBND xã Pá Khoang, TP ĐBP	5.000,00	5.000,0	4.723,458	276,542	-		
59	Trụ sở xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	6.000,00	6.000,0	6.000,0	-	-		
60	Trụ sở xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	5.876,00	5.876,0	5.876,0	-	-		
61	Dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở Đoàn nghệ thuật tỉnh	5.000,00	5.000,0	5.000,0	-	-		
62	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	5.000,00	5.000,0	4.798,153	201,847	-		
63	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trung tâm hoạt động TTN Điện Biên	5.000,00	5.000,0	4.937,0	63,0	-		
64	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	8.000,00	8.000,0	-	8.000,0	-		
65	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	4.000,00	4.000,0	4.000,0	-	-		
66	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà ăn nhà bếp, hạ tầng cấp, thoát nước mạng ngoài cơ quan Bộ CHQS tỉnh	200,00	200,0	200,0	-	-		
67	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	200,00	200,0	200,0	-	-		
68	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh ĐB	200,00	199,239	199,239	-	0,761		
69	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên	200,00	-	-	-	200,0		
70	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tòa Chùa	200,00	200,0	200,0	-	-		
71	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông	200,00	200,0	200,0	-	-		
72	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh	200,00	197,204	197,204	-	2,796		
73	Duy tu sửa chữa tháp an ten truyền hình cao 125m	200,00	116,971	116,971	-	83,029		
74	Dự án Đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí tự động (tại TP Điện Biên Phủ; TT Tuần Giáo; Cụm công nghiệp Na Hai huyện Điện Biên và Sở Tài nguyên và Môi trường)	200,00	-	-	-	200,0		
75	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), TP ĐBP	200,00	-	-	-	200,0		
76	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	200,00	200,000	45,291	154,709	-		
b	Cấp huyện quản lý	178.883	175.467	161.905	13.563	3.416		
1	Thành phố Điện Biên Phủ	18.968	18.820,758	18.753,741	67,017	147,242		
2	Huyện Điện Biên	23.082	22.375,231	22.375,231	-	706,769		
3	Huyện Tuần Giáo	22.234	21.622,001	21.466,279	155,722	611,999		
4	Huyện Điện Biên Đông	19.458	19.457,995	19.457,995	-	0,005		
5	Huyện Mường Ảng	14.636	14.507,778	13.483,616	1.024,162	128,222		
6	Huyện Mường Nhé	19.007	17.232,441	15.128,265	2.104,176	1.774,559		
7	Huyện Mường Chà	18.287	18.287,0	13.804,074	4.482,926	-		
8	Huyện Tòa Chùa	16.653	16.605,986	15.898,000	707,986	47,014		
9	Huyện Nậm Pồ	20.479	20.479,000	15.458,367	5.020,633	-		
10	Thị xã Mường Lay	6.079	6.079,0	6.079,0	-	-		
II	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	954.045	70.476	70.476	-	883.569	882.354	
1	Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m (thu hồi ứng trước)	71.691,00	70.476,432	70.476,432	-	1.214,568		Tổng KH 2022 là 188,162 tỷ đồng
2	Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	116.471,00				116.471,0	116.471,0	
3	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Từu)	30.883,00				30.883,0	30.883,0	
4	GPMB, hỗ trợ TĐC theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (để thực hiện dự án NC, CT Cảng hàng không Điện Biên)	716.000,00				716.000,0	716.000,0	
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh	5.000,00				5.000,0	5.000,0	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn	Thanh toán vốn kế hoạch năm 2022			Kế hoạch vốn còn lại chưa giải ngân hết thời hạn thanh toán		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó: Không có vốn để thực hiện do không đảm bảo nguồn thu từ đất, XSKT theo kế hoạch vốn đã phân bổ	
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3	4=5+6	5	6	7=3-4	8	9
6	Xây dựng các toà nhà Trụ sở Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh	7.000,00				7.000,0	7.000,0	
7	XD các toà nhà trụ sở UB mặt trận tổ quốc VN, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh	7.000,00				7.000,0	7.000,0	
III	Nguồn vốn Xã số kiến thiết	36.000	32.435	32.425	10	3.565	3.450	
1	Trường Mầm non xã Lao Xá Phình, huyện Tủa Chùa	880	868,849	868,849	-	11,151		
2	Trường THPT Lương Thế Vinh	1.315	1.315,0	1.315,0	-	-		
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luồn, huyện Điện Biên Đông	8.000	8.000,0	8.000,0	-	-		
4	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quải Tở, huyện Tuần Giáo	4.350	4.350,0	4.350,0	-	-		
5	Xây dựng Nhà thực hành nghề phi nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	2.800	2.800,0	2.800,0	-	-		
6	Bổ sung cơ sở vật chất trường CĐ Sư phạm	142	142,0	142,0	-	-		
7	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề	200	200,0	200,0	-	-		
8	Trạm y tế Phình Sáng	663	637,765	637,765	-	25,235		
9	Trạm Y tế Thị trấn Mường Chà	3.000	3.000,0	3.000,0	-	-		
10	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Xa Dung, Pù Hông, Noong U huyện Điện Biên Đông	2.000	2.000,0	2.000,0	-	-		
11	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Mường Mơn huyện Mường Chà	1.900	1.880,613	1.880,613	-	19,387		
12	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Mường Pôn, Pom Lót huyện Điện Biên và xã Nà Nhạn TP. Điện Biên Phủ	2.000	2.000,0	2.000,0	-	-		
13	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Xá Nhè huyện Tủa Chùa	1.900	1.851,125	1.851,125	-	48,875		
14	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các khoa phòng của trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh và trụ sở làm việc của Sở Y tế	2.300	2.289,358	2.279,839	9,519	10,642		
15	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên	4.000	1.000,0	1.000,0	-	3.000,0	3.000,0	
16	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế phường Him Lam TP Điện Biên Phủ	50	-	-	-	50,0	50,0	
17	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cây, Ảng Nưa, Mường Đàng, Mường Lạn huyện Mường Ảng	200	-	-	-	200,0	200,0	
18	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quải Nưa, Ta Ma huyện Tuần Giáo	200	-	-	-	200,0	200,0	
19	Trạm Y tế xã Thanh An, huyện Điện Biên	100	100,0	100,0	-	-		

Biểu số 3
ĐỀ XUẤT DANH MỤC, MỨC VỐN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023
 (Kèm theo Tờ trình số 2846 TTr-UBND ngày 07/11 2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 được giao				Kế hoạch vốn NSDP bỏ trí, giải ngân hằng năm trong giai đoạn 2021-2025				Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn NSDP năm 2022 sang năm 2023				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số các nguồn (vốn)	Trong đó:	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Kế hoạch vốn NSDP giao trong năm	Số vốn đã giải ngân	Kế hoạch vốn NSDP giao trong năm	Số vốn đã giải ngân (từ 1/1/2022 đến 31/01/2023)	Số vốn đề xuất kéo dài	Lý do đề xuất kéo dài	Phân loại các trường hợp đề xuất kéo dài (theo khoản 1, điều 48, ND40)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16			
I	TỔNG SỐ		386.009	376.487	208.454			131.928	130.740	27.945	25.281	1.990.231						
I	Vốn cân đối NSDP		381.509	371.987	207.641			131.928	130.740	27.282	24.644	1.964.996						
I.1	Ngân sách cấp tỉnh quản lý		363.942	354.420	191.977			126.698	125.541	16.958	14.590	1.764.925						
1	Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang	301 ngày 06/4/2011: 545/QĐ-UBND 05/7/2018: 568/QĐ-UBND 16/6/2020	64.142	62.580	13.639			4.000	4.000	7.758	7.154	604.301	Để thanh toán các chi phí còn lại sau quyết toán của dự án	3. Dự án được bỏ trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bỏ trí vốn kế hoạch năm sau	VP UBND tỉnh			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên				20.000					200		200.000	Do vướng mắc về các thủ tục đầu tư, cụ thể dự án thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường do thu hồi đất lúa nước hai vụ	5. Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, tham họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép	Sở GDĐT			
3	Kế báo về khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tìn Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	1705/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	39.800	31.840	31.640					5.000	4.939	60.624	Dự án đang vướng mắc do bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng	5. Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, tham họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép	UBND huyện Mường Ảng			
4	Xây dựng điểm TĐC số 1 dự án Nâng cấp, cải tạo Càng hàng không Điện Biên	1084/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	260.000	260.000	126.698			122.698	121.541	4.000	2.497	900.000	Để thanh toán các chi phí còn lại sau quyết toán của dự án	3. Dự án được bỏ trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bỏ trí vốn kế hoạch năm sau	UBND TP ĐBP			
I.2	Ngân sách cấp huyện quản lý		17.567	17.567	15.664			5.230	5.199	10.324	10.053	200.071						
a	UBND huyện Mường Ảng																	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Mường Ảng tỷ lệ 1/5.000, huyện Mường Ảng	3314/QĐ-UBND 24/12/2021	2.567	2.567	2.567				330	2.182	2.054	128.222	Để án quy hoạch đã được Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình BTV Tỉnh ủy Điện Biên xem xét cho ý kiến. Do vậy đề án chưa được phê duyệt, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân, thanh toán	3. Dự án được bỏ trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bỏ trí vốn kế hoạch năm sau				
b	UBND huyện Điện Biên																	

1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Năm Thanh - Bàn U và xã Noong Luông huyện Điện Biên	1087/QĐ-LUBND, 29/10/2019	9.000	9.000	7.097				3.500	3.500	3.500	3.597	3.554	38.340	Để thanh toán các chi phí còn lại sau quyết toán của dự án	3. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau	
2	Xây dựng trường tiểu học và trung học cơ sở xã Pa Thơm, huyện Điện Biên	1024/QĐ-LUBND, 25/5/2021	6.000	6.000	6.000				1.369	1.400		4.544	4.446	33.509	Để thanh toán các chi phí còn lại sau quyết toán của dự án	3. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau	
II	Vốn Xã số kiến thiết		4.500	4.500	813							663	638	25.235			
1	Trạm y tế Phình Sáng	1076/QĐ-LUBND 29/10/2019	4.500	4.500	813							663	638	25.235	Thanh toán chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình	3. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau	Sở Y tế

10